

Những khó khăn trong dạy và học tiếng Anh chuyên ngành Logistics tại Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải và giải pháp khắc phục

Ngô Thị Lan Hương*

*ThS. Bộ môn Ngoại ngữ, ĐH Công nghệ Giao thông vận tải

Received: 12/11/2024; Accepted: 20/11/2024; Published: 29/11/2024

Abstract: In recent years, the boom in foreign investment in Vietnam has increasingly created opportunities and challenges for people, especially students in economic fields, in which the field of Logistics and multimodal transport is attracting many domestic and foreign employers. Therefore, the need for communication and use of specialized English in the workplace has increased significantly. However, the training of English for students is not reasonable, leading to the fact that students are very weak in this skill after graduation, affecting their future career development. Weak English for students makes the qualifications of many employees in the economic field unable to keep up with the development of their industry. Based on the evaluation and review of domestic and foreign research works, the author has studied the difficulties in learning English for students in Logistics, thereby making necessary recommendations and proposals to improve the quality of teaching and learning.

Keywords: English for Logistics, difficulties, solutions

1. Đặt vấn đề

Giống như sinh viên (SV) của tất cả các ngành học khác ở Việt Nam hiện nay, SV kinh tế chuyên ngành Logistics và vận tải đa phương thức ngoài kiến thức về chuyên môn và kỹ năng, cũng cần được trang bị thêm vốn kiến thức về tiếng Anh chuyên ngành (TACN). Tuy nhiên, việc đào tạo TACN cho SV chưa hợp lý dẫn đến việc SV ra trường rất yếu về kỹ năng này, ảnh hưởng đến sự phát triển nghề nghiệp trong tương lai. TACN yếu khiến cho trình độ của nhiều nhân viên trong lĩnh vực kinh tế không theo kịp tốc độ phát triển của ngành nghề mình làm việc. Trên cơ sở đánh giá, xem xét các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước, tác giả đã nghiên cứu tìm hiểu những khó khăn trong việc học TACN của SV ngành Logistics, từ đó có các kiến nghị, đề xuất cần thiết nâng cao chất lượng dạy và học.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Tổng quan về tiếng Anh chuyên ngành

2.1.1. Định nghĩa về tiếng Anh chuyên ngành

Theo Strevens (1988), TACN là một khái niệm ám chỉ việc dạy hay học tiếng Anh nhằm phục vụ cho một nghề nghiệp hay chuyên ngành nhất định nào đó và nó được biết đến là một phương pháp giảng dạy tiếng Anh như là một ngoại ngữ hoặc ngôn ngữ thứ hai lấy người học làm trung tâm. Nó nhằm đáp ứng những nhu cầu của người học trưởng thành- những người cần học ngoại ngữ để áp dụng nó cho những lĩnh vực cụ

thể như khoa học, kỹ thuật, y học, học thuật hay thậm chí là giải trí.

2.1.2. Phân loại tiếng Anh chuyên ngành

Hutchinson và Walters (1987) đã sử dụng “cây ELT” (Tree of ELT) để mô phỏng cho mối quan hệ của TACN với tiếng Anh phổ thông. Theo những tác giả này, TACN được chia thành ba nhánh chính: Tiếng Anh cho những ngành khoa học và kỹ thuật (EST), tiếng Anh cho thương mại và kinh tế (EBE) và tiếng Anh cho ngành khoa học xã hội (ESS). Mỗi nhánh này là phân chia thành hai nhóm: tiếng Anh học thuật (EAP) và tiếng Anh nghề nghiệp (EOP/EVP).

2.1.3. Một số nguyên tắc cần lưu ý khi tiến hành khóa học TACN

Trong khóa học TACN, có ba nguyên tắc người dạy cần chú ý đó là:

Nguyên tắc hỗ trợ: Nguyên tắc hỗ trợ là bước đầu tiên liên quan đến việc giáo viên ngôn ngữ này sinh ý tưởng trong việc đưa ra câu hỏi, thu thập thông tin về khóa học của SV, làm thế nào để kiến thức tiếng Anh phù hợp với khóa học của họ, và SV có ưu tiên gì cho khóa học không.

Nguyên tắc hợp tác: Nếu như nguyên tắc hỗ trợ liên quan chủ yếu đến việc giáo viên ngôn ngữ này sinh sáng kiến và tìm hiểu về những gì đang diễn ra trong tổ/ khoa chuyên ngành thì nguyên tắc hợp tác liên quan đến việc giáo viên ngôn ngữ và giáo viên chuyên ngành phải cùng làm việc trực tiếp với nhau để chuẩn bị những nội dung, yêu cầu của khóa học cho

SV (Tony & Maggie, 1998). Trong việc hợp tác này, giáo viên ngôn ngữ và giáo viên chuyên môn làm việc với nhau ngoài giờ học.

Nguyên tắc dạy học nhóm: Mức độ cuối cùng trong việc tích hợp ngôn ngữ và chuyên ngành là việc các giáo viên ngôn ngữ và chuyên môn thực sự làm việc với nhau trong lớp học, được biết đến như là một hoạt động dạy học nhóm (team-teaching).

2.1.4. Vai trò của việc học TACN Logistics

Trong tình hình thực tế tuyển sinh của trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, số lượng SV khoa Kinh tế xây dựng lựa chọn đăng kí vào chuyên ngành Logistics gấp 2 lần so với các chuyên ngành khác như quản trị kinh doanh hay kinh tế xây dựng. Ngoài ra, trong những năm gần đây, nhà trường đã và đang nhận được nhiều đơn đặt hàng từ các doanh nghiệp nước ngoài đối với việc nhận SV chuyên ngành Logistics đi thực tập và làm việc tại nước ngoài mà một trong những tiêu chuẩn là trình độ tiếng Anh cơ bản và TACN. Chính vì vậy việc nâng cao chất lượng đào tạo TACN Logistics tại trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải là thực sự cần thiết trong giai đoạn hiện nay để đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao.

2.2. Những khó khăn trong việc dạy và học TACN Logistics tại trường ĐH Công nghệ GTVT

Tại trường Đại học Công nghệ GTVT, SV khối đại học nói chung và ngành Logistics nói riêng thường được học TACN vào năm thứ 3 sau khi họ đã hoàn thành học phần tiếng Anh cơ bản. Mục tiêu của việc học TACN là SV phải được trang bị vốn từ vựng cơ bản, ôn tập lại những kiến thức ngữ pháp đã học, củng cố các kỹ năng tiếng đã học để đọc hiểu, dịch tài liệu và viết một số báo cáo có liên quan đến chuyên ngành Logistics mà họ đang theo học.

Qua quá trình khảo sát nghiên cứu, kết quả chỉ ra những nội dung mà SV thấy khó nhất trong khóa học TACN là phần dịch (83%) và nói (78%). Lí do của những khó khăn này đến từ thực tế SV thiếu vốn kiến thức về cấu trúc ngữ pháp, từ vựng để có thể dịch các câu/ đoạn văn từ tiếng mẹ đẻ sang tiếng Anh và ngược lại. Hơn nữa, kể cả đối với tiếng Anh cơ bản, phần phát âm luôn là một nội dung các em thường không để ý nhiều khi học và tra từ nên đây cũng là một trở ngại lớn cho các em khi muốn phát âm chính xác các thuật ngữ chuyên ngành. Do phát âm không chuẩn lại thiếu từ vựng nên các em phần lớn đều không tự tin và gặp nhiều khó khăn với kỹ năng nói. Những nội dung SV thấy khó khăn tiếp theo đó là từ vựng (70%) và đọc hiểu (68%). Hai nội dung này có mối quan hệ nguyên nhân- hệ quả với nhau. Vì SV thiếu vốn từ vựng chuyên ngành, thêm vào đó là yếu về kiến thức ngữ

pháp, nên những bài đọc hiểu trong giáo trình trở nên khó đối với các em. Khi được phỏng vấn, các em đều nói rằng bài đọc hiểu thực sự là trở ngại với các em bởi các em gặp khó khăn trong việc xác định nghĩa chuyên ngành của các từ trong bài đọc đó. Do từ điển thông thường không có đủ hết nghĩa chuyên ngành nên các em đề xuất muốn có một phần tổng hợp từ vựng theo từng bài, gồm cách phát âm và nghĩa chuyên ngành để các em dễ dàng tra cứu. Những dạng bài tập các em ít thấy khó hơn đó là các bài tập nghe (60%), dựng câu (58%) và các bài tập ngữ pháp (54%). Thông thường trong phần viết, các em được yêu cầu dựng câu hoàn chỉnh từ những gợi ý cho sẵn. Các em thấy phần viết đơn giản hơn vì những nội dung này có liên quan đến những bài đọc hiểu mà các em phải hoàn thành trước đó và phần từ vựng đã được cung cấp sẵn. Hơn nữa, các em đã được học ngữ pháp qua học phần Tiếng Anh trước đó, những bài tập ngữ pháp không phải khó khăn lớn đối với các em vì hầu hết các kiến thức này các em đã làm quen và trong khóa học này chỉ mang tính chất ôn tập lại những gì các em đã được học. Số liệu thu thập được thể hiện rằng chỉ có 47% SV biết cách làm thế nào để học môn TACN một cách hiệu quả, trong đó chỉ có 12% SV biết rõ cách học như thế nào. Ngược lại, một tỷ lệ khá lớn SV (38%) thừa nhận họ không biết rõ các chiến lược học hiệu quả. Có 3% SV không hề có ý niệm gì về các chiến lược học TACN. Số liệu thu thập được cho thấy có lẽ chiến lược học TACN của SV chưa nhận được sự chú ý đặc biệt từ phía giáo viên và bản thân SV.

Về phía giảng viên, theo số liệu khảo sát về các khó khăn mà giảng viên gặp phải khi giảng dạy môn TACN bao gồm thâm niên giảng dạy môn TACN chưa được lâu, chưa được tiếp cận nhiều với những kiến thức về giảng dạy TACN. Ngoài ra, trình độ của các giáo viên đứng lớp chưa đồng đều, phương pháp giảng dạy không đồng nhất. Đa số họ cũng chưa từng được tập huấn về phương pháp giảng dạy ngoại ngữ và trình độ tiếng Anh cũng không đạt chuẩn (mắc lỗi phát âm, ngữ pháp) nên khó có khả năng giúp phát triển tốt các kỹ năng ngôn ngữ cho người học. Ngược lại, giảng viên TA có năng lực ngoại ngữ tốt nhưng chưa có nhiều kinh nghiệm và kiến thức sâu rộng về ngành học mình đang dạy. Chính vì thế, họ phải chịu áp lực khi vừa giảng dạy vừa phải tự tìm tòi học hỏi thêm, đôi khi thiếu tự tin trong khi chuyển tải nội dung chuyên ngành đến SV.

2.3. Một số kiến nghị, đề xuất nhằm khắc phục những khó khăn trong việc học TACN

2.3.1. Giảm thiểu số lượng SV trong một lớp và siết chặt đầu vào: Các lớp học TACN nên được giảm thiểu

lượng SV từ 20-25 thay vì những lớp học quá đông như hiện tại. Đề xuất này xuất phát từ một quan điểm mà hầu hết các giáo viên dạy ngoại ngữ đều biết đó là “một lớp học ngoại ngữ chỉ nên có từ 20 đến 25 học viên” (Hutchinson & Waters, 1987). Các SV cùng trình độ sẽ dễ hợp tác và tiếp thu tốt hơn, do đó cần siết chặt về đầu vào môn học (qua học phần TOEIC). Bên cạnh đó, một giảng viên chỉ nên tập trung dạy một môn TACN chứ không nên dạy dàn trải cùng lúc nhiều môn TACN. Điều này là hoàn toàn dễ hiểu vì mỗi môn TACN có những quy tắc khác nhau, phương pháp dạy khác nhau, đối tượng người học khác nhau với những nhu cầu khác nhau, giáo trình khác nhau. Chính vì vậy, giáo viên không thể hoàn thành tốt mục tiêu của khóa học nếu như phải đảm nhiệm giảng dạy cùng lúc nhiều môn.

2.3.2. Sử dụng đa dạng các phương pháp giảng dạy

Nhằm nâng cao hứng thú học tập của SV - một yếu tố vô cùng quan trọng quyết định đến thành công của khóa học, giảng viên cần sử dụng đa dạng các phương pháp cho từng bước giảng dạy từ giới thiệu kiến thức mới, luyện tập đến củng cố và kiểm tra kiến thức mà SV được học. Phương pháp giảng dạy có ảnh hưởng rất lớn đến hứng thú học tập và mức độ tham gia các hoạt động trong lớp học của người học (Harmer, 1998). Các giảng viên cần giải thích kỹ hơn các từ mới/ thuật ngữ TACN, cách phát âm chúng và các cấu trúc được sử dụng. Bên cạnh đó, giảng viên cần thiết kế thêm nhiều hoạt động hơn nữa để ôn tập lại kiến thức mà SV được học. Ôn tập lại kiến thức là một phương pháp hiệu quả để người học nhắc nhớ lại và củng cố vốn kiến thức được học trước đó.

2.3.3. *Tư vấn các chiến lược học tập cho SV*: SV nên được tư vấn và giới thiệu một số chiến lược học tập cần thiết trước và trong khi tham gia khóa học TACN. Mỗi SV là một cá thể riêng biệt nên họ có những cách học tập khác nhau. Hơn nữa, TACN là một môn học khó, đòi hỏi mỗi SV phải học tập nghiêm túc với những phương pháp học tập phù hợp với bản thân. Thông tin thu được từ việc thảo luận với SV cho thấy hầu hết SV mong muốn các giảng viên môn TACN phổ biến cho các em những phương pháp học TACN hiệu quả trước và trong khi học khóa học này. Điều này là hoàn toàn phù hợp với kết quả nghiên cứu thu được khi 79% SV cho rằng họ không nắm được các chiến lược học tập môn TACN. Chính vì vậy, giáo viên cần giới thiệu và minh họa nhiều phương pháp học tập khác nhau để họ có những lựa chọn phù hợp nhất.

2.3.4. *Duy trì nguyên tắc hợp tác và thương thuyết*: Nguyên tắc hợp tác và thương thuyết trong quy trình dạy học TACN giữa các giáo viên luôn là một nhân tố quan trọng trong việc dạy học hiệu quả. Các giáo

viên không nên coi đây là quá trình tốn thời gian và công sức. Những giáo viên giảng dạy TACN không nên làm việc một cách độc lập, họ nên có sự tương tác với những giáo viên bộ môn chuyên ngành để được hỗ trợ về kiến thức chuyên ngành khi cần thiết. Xuất phát từ lý do gặp khó khăn với lượng kiến thức chuyên ngành, nhóm nghiên cứu đề xuất nên có sự hỗ trợ đến từ giảng viên thuộc chuyên ngành đó để họ có thể tiến hành giảng dạy môn TACN một cách thành công hơn. Các giáo viên tiếng Anh có năng lực về ngôn ngữ, tuy nhiên, không phải ai trong số họ cũng giỏi về kiến thức chuyên ngành. Chính vì vậy, sự hỗ trợ của các giảng viên chuyên ngành sẽ là một động lực lớn giúp khóa học TACN gặt hái thành công.

2.3.5. *Đầu tư trang thiết bị và tài liệu giảng dạy, học tập*: Cuối cùng, một kiến nghị nữa cũng rất quan trọng đó là nhà trường cần đầu tư nâng cấp các trang thiết bị và tài liệu giảng dạy, học tập, các từ điển, sách tham khảo cả tiếng Anh và tiếng Việt cho giáo viên và SV. Thư viện và phòng thí nghiệm có đầy đủ trang thiết bị sẽ giúp cả giáo viên và SV nâng cao không chỉ kiến thức tiếng Anh mà còn kiến thức chuyên ngành. Kiến thức TACN khá khó và phức tạp, chính vì vậy, chỉ sử dụng giáo trình trên lớp để giảng dạy là không đủ. Kể cả trước khi bắt đầu khóa học TACN, các giáo viên cũng được yêu cầu phải thiết kế giáo trình. Tuy nhiên, nhà trường không có nhiều sách tham khảo của từng bộ môn bằng tiếng Anh có thể phục vụ cho mục đích này. Vì thế, việc tìm kiếm tài liệu để thiết kế giáo trình cũng là một thử thách lớn đối với mỗi giảng viên. Giáo trình TACN Logistics hiện đang sử dụng khá phù hợp với SV tuy nhiên SV vẫn cần phải được trang bị thêm tài liệu tham khảo để trau dồi kiến thức, hỗ trợ cho việc học giáo trình chính trên lớp.

3. Kết luận

Đề tài này đã đề cập tới một số khó khăn, thách thức mà SV gặp phải, đồng thời nêu lên một số giải pháp nhằm hạn chế những khó khăn này nhằm phần nào giúp nâng cao hiệu quả của việc giảng dạy và học tập môn TACN. Từ những gì tìm hiểu được trong khi nghiên cứu, đề tài có thể là một tài liệu tham khảo khá hữu ích cho các giảng viên và SV trong việc dạy và học tiếng Anh các chuyên ngành khác.

Tài liệu tham khảo

1. Hutchinson, T. and A. Water (1987). *English for Specific Purposes: A Learning centred Approach*. Cambridge: CUP.

2. Nguyễn Hoàng Bích Ngọc <http://text.123doc.org/document/841956-tai-lieu-bai-tham-luan-hoi-thao-anh-van-chuyen-nganh-ppt.htm>

3. Barron, C (1992) *Hongkong Papers in Linguistics and Language teaching* (pp.1-14)